



BÀN VỀ TIỀM LỰC PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TRẦN CÔNG DŨ

Ngân hàng thương mại là một trong những định chế không thể thiếu của nền kinh tế thị trường, hoạt động của ngân hàng thương mại đã và đang góp phần to lớn trong việc thúc đẩy nền kinh tế. Hệ thống ngân hàng thương mại được hình thành và ra đời gắn liền với sự phát triển của quá trình sản xuất hàng hóa. Bài viết đánh giá tổng quan về quá trình phát triển, năng lực cạnh tranh của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2010-2019, qua đó đưa ra một số nhận định và đề xuất giải pháp góp phần phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

Từ khóa: Ngân hàng thương mại, thị trường, tiền tệ, tiềm lực, phát triển

DEVELOPMENT POTENTIAL OF VIETNAM'S COMMERCIAL BANKING SYSTEM

Tran Cong Du

Commercial banks are indispensable institutions of the market economy, their activities contribute greatly to the economic development. The commercial banking system was established together with the development of merchandise production. This paper assesses the development, competitiveness of Vietnam's commercial banking system during the period of 2010-2019 and suggests measures to develop the banking system of Vietnam in the next period.

Keywords: Commercial banks, market, currency, potential, development

Ngày nhận bài: 5/4/2021

Ngày hoàn thiện biên tập: 22/4/2021

Ngày duyệt đăng: 29/4/2021

Khái quát về ngân hàng thương mại

Ngân hàng là một tổ chức tài chính và trung gian tài chính chấp nhận tiền gửi và định kênh những tiền gửi đó vào các hoạt động cho vay trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các thị trường vốn. Ngân hàng là kết nối giữa khách hàng có thâm hụt vốn và khách hàng có thặng dư vốn. (Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia).

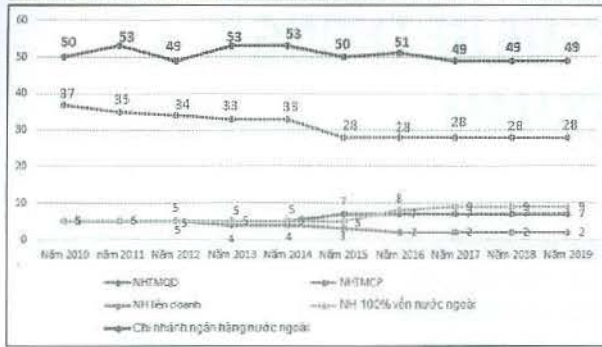
Theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010: NHTM là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận.

Hoạt động kinh doanh của NHTM là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng; là hoạt động chủ yếu và thường xuyên nhận tiền gửi của khách hàng để cấp tín dụng và thực hiện nghiệp vụ chiết khấu và làm phương tiện thanh toán. Với tư cách là tổ chức kinh doanh, hoạt động của NHTM dựa trên cơ sở chế độ hạch toán kinh tế, nhằm mục tiêu lợi nhuận.

Đây là lĩnh vực "đặc biệt" vì liên quan trực tiếp đến tất cả các ngành, liên quan đến mọi mặt của đời sống kinh tế-xã hội, lĩnh vực tiền tệ ngân hàng là lĩnh vực "nhạy cảm", đòi hỏi một sự thận trọng và khéo léo trong điều hành hoạt động ngân hàng để tránh những thiệt hại cho xã hội. Lĩnh vực hoạt động này của NHTM góp phần cung ứng một khối lượng vốn tín dụng rất lớn cho nền kinh tế-xã hội...

Bản chất của NHTM là một loại hình doanh nghiệp và là một đơn vị kinh tế. Nghĩa là, NHTM hoạt động trong một ngành kinh tế, có cơ cấu tổ chức bộ máy như một doanh nghiệp, bình đẳng trong quan hệ kinh tế với các doanh nghiệp khác. Để hoạt động kinh doanh, các NHTM phải có vốn, phải tự chủ về tài chính; cần đạt đến mục tiêu tài chính cuối cùng là lợi nhuận, tuy nhiên việc tìm kiếm lợi nhuận là phải chính đáng trên cơ sở chấp hành luật pháp của nhà nước.

HÌNH 1: SỐ LƯỢNG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010 - 2019



Nguồn: Báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước

Quá trình hình thành hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

Tại Việt Nam, quá trình phát triển của ngành Ngân hàng gắn liền với lịch sử phát triển từng thời kỳ cách mạng và công cuộc dựng nước và giữ nước. Trước Cách mạng tháng 8/1945, Việt Nam vẫn là một quốc gia nông nghiệp lạc hậu, thương mại kém phát triển nên ngân hàng Đông Dương - Ngân hàng đầu tiên của Việt Nam ra đời dưới sự bảo hộ của thực dân Pháp vào cuối tháng 01/1875. Về tính chất, đây là ngân hàng tư nhân, ngoài việc thực hiện các nghiệp vụ của NHTM nó còn được Chính phủ Pháp cho phép phát hành giấy bạc (vai trò như một ngân hàng trung ương) trên phạm vi 3 nước: Việt Nam, Lào, Campuchia.

Khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 15/SL để thành lập Ngân hàng quốc gia Việt Nam vào ngày 06/5/1951 (sau đó đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và duy trì cho đến ngày nay). Lúc này, hệ thống ngân hàng được tổ chức theo hệ thống ngân hàng 1 cấp - không quan hệ trực tiếp với công chúng, chỉ tập trung vào việc điều tiết và quản lý hệ thống tiền tệ, độc quyền phát hành giấy bạc. Nhưng từ ngày 01/10/1990, NHNN Việt Nam ngoài việc thực hiện các chức năng của ngân hàng trung ương còn kiêm nhiệm luôn cả chức năng của NHTM cho đến trước khi có Nghị định số 53/HĐBT (26/3/1988 có hiệu lực ngày 01/10/1990). Vì vậy, hệ thống ngân hàng Việt Nam được hình thành theo hướng ngân hàng 2 cấp. Đây được xem là cột mốc quan trọng, có ý nghĩa lớn trong quá trình phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam, bởi vì nó thực hiện việc tách rời chức năng quản lý nhà nước và kinh doanh tiền tệ thành 2 lĩnh vực riêng biệt.

Hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam giai đoạn 2010 -2019

Năm 2011, nền kinh tế Việt Nam bộc lộ nhiều điểm yếu kém. Tăng trưởng kinh tế năm 2011 chậm lại ở mức 5,89%, tình hình sản xuất rất khó khăn, cả nước tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát... Bên cạnh đó, giá hàng hóa, giá dầu mỏ và giá một số nguyên vật liệu chủ yếu tăng cao do đối mặt với nhiều thách thức phức tạp, điển hình là cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu; ở trong nước, lạm phát và mất bằng lãi suất cao gây áp lực cho sản xuất và đời sống dân cư. Vì thế, không ít tổ chức tín dụng nói chung và hệ thống NHTM Việt Nam nói riêng đã gặp khó khăn về thanh khoản, nợ xấu cao, có nguy cơ đổ vỡ, đe dọa sự an toàn của hệ thống. Do đó, yêu cầu đặt ra thời điểm đó là phải tái cơ cấu lại hệ thống ngân hàng để khắc phục những yếu kém nội tại của ngành Ngân hàng, lành mạnh hóa tình trạng tài chính và củng cố năng lực hoạt động của toàn hệ thống ngân hàng là vấn đề cấp thiết. Cuối năm 2011, NHNN đưa ra 4 mục tiêu tái cơ cấu hệ thống ngân hàng như: (1) Lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng; (2) Nâng cao năng lực cạnh tranh cho hệ thống ngân hàng; (3) Cấu trúc lại cơ cấu hoạt động của hệ thống ngân hàng; (4) Hệ thống ngân hàng phải hội nhập và có sức cạnh tranh với quốc tế.

Ngày 01/3/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 254/QĐ-TTg phê duyệt Đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) trong giai đoạn 2011-2015. Trong đó, trọng tâm của Quyết định này là hướng đến việc chấn chỉnh; lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng; giải quyết tình trạng thiếu hụt thanh khoản tạm thời tại các ngân hàng; khuyến khích sáp nhập, hợp nhất mua lại các TCTD nhằm bảo đảm an toàn, ổn định của hệ thống, không để xảy ra đổ vỡ và mất an toàn hoạt động ngân hàng.

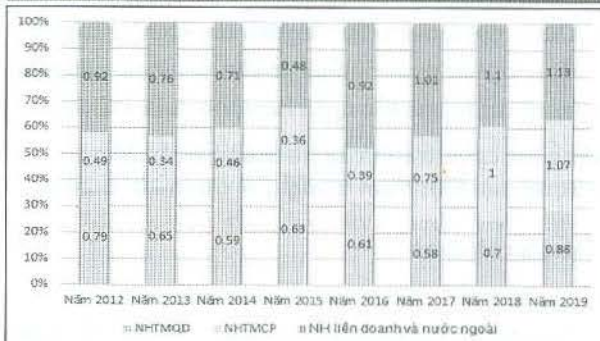
Kết quả của việc tái cơ cấu hệ thống ngân hàng cơ bản đảm bảo về thanh khoản, nợ xấu đã được kiểm chế và có xu hướng giảm, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Cụ thể là:

Thứ nhất, đã kiểm soát được tình hình của một số NHTM cổ phần yếu kém; thanh khoản của hệ thống đã được cải thiện, quyền lợi của người dân được đảm bảo, an toàn hoạt động của hệ thống được kiểm soát.

Thứ hai, từng bước giảm bớt số lượng các NHTM yếu kém thông qua cơ cấu lại. Trong số 9 NHTM cổ phần yếu kém được xác định từ năm 2012, NHNN đã phê duyệt 8 phương án cơ cấu lại. Một số NHTM cổ phần yếu kém được xác định trong năm 2013 cũng



đang được NHNN áp dụng các biện pháp giám sát chặt chẽ và chỉ đạo xây dựng phương án tái cơ cấu. Cụ thể, nếu như năm 2010 từ 37 NHTM cổ phần thì đến năm 2011 còn 35 (Do thương vụ hợp nhất giữa NHTM Đệ Nhất, NHTM Sài Gòn và NHTM Việt Nam Tín Nghĩa). Năm 2012 chỉ còn 34 NHTM do NHTM Nhà Hà Nội sáp nhập NHTM Sài Gòn-Hà Nội. Giai đoạn 2013-2015 chỉ còn 33 NHTM do sự kiện sáp nhập giữa NHTM Đại Á và Ngân hàng Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank); thương vụ hợp nhất giữa NHTM Phương Tây và Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam thành NHTM Đại chúng Việt Nam (PVcombank). Giai đoạn 2015-2019: Từ con số 33 giảm còn 28 NHTM do: Thương vụ sáp nhập giữa NHTM Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long (MHB) và NHTM Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV); Thương vụ sáp nhập giữa NHTM Phương Nam và NHTM Sài Gòn Thương Tín; Thương vụ sáp nhập giữa NHTM Mê Kông và NHTM Hàng hải Việt Nam; Thương vụ bắt buộc mua lại 0 đồng 3 NHTM Xây Dựng, NHTM Đại Dương và NHTM Dầu khí toàn cầu từ NHNN.

HÌNH 2: TỶ LỆ ROA CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012 - 2019


Nguồn: Báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước

Thứ ba, chất lượng hoạt động của các NHTM cũng đã có nhiều chuyển biến tích cực. Sau giai đoạn tái cơ cấu, chất lượng tài sản của các ngân hàng được cải thiện, tỷ lệ nợ xấu đã giảm mạnh. Nếu như giai đoạn bắt đầu tái cơ cấu, tỷ lệ nợ xấu cả nội bảng lẫn ngoại bảng của toàn hệ thống ở mức hai chữ số, thì đến nay, nợ xấu đã giảm mạnh. Số liệu được cập nhật từ NHNN cho thấy, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống tổ chức tín dụng chỉ còn 1,94%, mức rất thấp và thấp hơn nhiều so với mức 3% mục tiêu đề ra; còn

BẢNG 1: TỔNG TÀI SẢN, VỐN TỰ CÓ VÀ VỐN ĐIỀU LỆ CỦA HỆ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2012 - 2019

Năm	Loại hình	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Tăng/giảm (%)	Vốn tự có (tỷ đồng)	Tăng/giảm (%)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tăng/giảm (%)
2012	NHTM nhà nước	2.201.660	11,8	137.268	18,7	111.550	28,1
	NHTM cổ phần	2.159.363	(4,5)	183.139	6,3	177.624	8,1
	Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	555.414	1,6	92.554	6,8	76.138	2,8
2014	NHTM nhà nước	2.876.174	14,87	169.696	1,87	134.206	4,77
	NHTM cổ phần	2.780.976	13,10	203.154	5,71	86.625	1,1
	Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	701.986	(0,42)	106.004	5,76	86.625	6,25
2015	NHTM nhà nước	3.303.995	16,57	203.328	19,82	137.093	2,14
	NHTM cổ phần	2.928.146	8,93	236.342	16,34	193.977	7,11
	Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	755.581	7,63	117.164	10,53	93.948	8,45
2016	NHTM nhà nước	3.861.942	16,89	229.499	12,87	146.543	6,89
	NHTM cổ phần	3.422.829	16,89	254.151	7,54	200.855	3,55
	Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	828.322	9,63	130.955	11,77	104.103	10,81
2017	NHTM nhà nước	4.570.097	18,34	254.655	10,96	147.771	0,84
	NHTM cổ phần	4.028.197	17,69	290.626	14,35	214.791	6,94
	Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	954.165	15,19	141.838	8,3	109.656	5,33
2018	NHTM nhà nước	5.059.226	6,6	268.599	5,5	161.782	2,1
	NHTM cổ phần	4.554.977	13,1	338.183	16,4	267.234	24,4
	Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	1.136.614	19,1	162.864	14,8	113.489	3,5
2019	NHTM nhà nước	5.439.691	11,85	320.024	19,15	155.153	4,91
	NHTM cổ phần	5.212.516	14,44	368.579	8,99	284.698	6,54
	Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	1.345.869	18,41	182.664	12,16	120.769	6,42

Nguồn: Báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước

nếu tính cả nợ xấu nội bảng lẫn nợ đã bán cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), nợ tiềm ẩn, thì tổng nợ xấu khoảng trên 5%.

Thứ tư, sau quá trình tái cơ cấu vừa qua, năng lực quản trị rủi ro của các ngân hàng đã được cải thiện.

Năng lực cạnh tranh của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2010-2019

Năng lực tài chính

Năng lực tài chính là khả năng tài chính để ngân hàng thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả. (Theo Phan Thị Hằng Nga, “Năng lực tài chính của các NHTM Việt Nam, năm 2013).

Năng lực tài chính là một trong những yếu tố quyết định đến vị thế và sức mạnh của NHTM trên thị trường tài chính. Bởi vì nó thể hiện được sự chắc chắn đối với khách hàng, là một trong những “đảm bảo” vững chắc cho chính bản thân NHTM và khách hàng khi có những rủi ro xuất hiện, cũng như những biến động của môi trường xung quanh.

Qua biểu đồ tỷ lệ ROA của hệ thống NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2012-2019 (Hình 2) thì khối NHTM quốc doanh qua từng năm có sự biến động không đồng đều, cụ thể: Giai đoạn 2012-2014, tỷ lệ ROA có xu hướng giảm từ 0,79% xuống còn 0,59%; năm 2015 có sự khởi sắc hơn với 0,63% nhưng sau đó lại giảm nhẹ vào năm 2016 (0,61%). Năm 2017 là 0,58% và tăng liên tục đến năm 2019 là 0,88%. Trong khi đó, khối NHTM cổ phần và ngân hàng liên doanh, nước ngoài trong giai đoạn 2012-2015 có xu hướng giảm và tăng dần trong giai đoạn 2016-2019.

Năng lực công nghệ

Trong quá trình hội nhập quốc tế, Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 không chỉ tác động đến tất cả các lĩnh vực kinh tế mà còn ảnh hưởng rất lớn đến đời sống xã hội, trong đó bao gồm hệ thống ngân hàng nói chung và NHTM nói riêng. Trước những thách thức và yêu cầu mới, các NHTM Việt Nam đã linh hoạt thay đổi để nhanh chóng bắt kịp với công nghệ, kỹ thuật hiện đại trên thế giới.

Năm 2007, hành lang pháp lý về phát triển ngân hàng số bắt đầu được hình thành khi Chính phủ ban hành Nghị định số 35/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng. Ngân hàng số được biết như là ngân hàng có thể thực hiện hầu hết các giao dịch ngân hàng bằng hình thức trực tuyến thông qua internet, đồng nghĩa với việc các hoạt động giao

dịch không cần phải đến chi nhánh ngân hàng. Từ đó, ngân hàng số giúp giảm thiểu đến mức tối đa những thủ tục giấy tờ liên quan. Bên cạnh đó, tính năng của ngân hàng số có thể thực hiện mọi lúc mọi nơi không phụ vào thời gian, không gian, sự chủ động hoàn toàn thuộc về khách hàng.

Đến năm 2016, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu đứng trước những cơ hội và cả những thách thức từ cuộc CMCN 4.0, tiến trình phát triển ngân hàng số của các NHTM chính thức diễn ra mạnh mẽ. Nhằm hưởng ứng xu hướng phát triển của khoa học công nghệ, các ngân hàng Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu, đầu tư, ứng dụng mạnh mẽ vào thành tựu của CMCN 4.0 trong sản phẩm, dịch vụ, hoạt động và quản trị của mình.

Nguồn nhân lực

Nhìn một cách tổng thể, nguồn nhân lực hiện nay của các NHTM Việt Nam có tuổi trung bình còn rất trẻ, phần lớn được đào tạo trong môi trường mới, môi trường đất nước đang hội nhập vào nền kinh tế thế giới và rất năng động. Trong những năm qua, hầu hết NHTM Việt Nam đều tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm làm việc và cập nhật những kiến thức mới trong nền kinh tế thị trường. Việc bùng nổ công nghệ thông tin cũng đã tạo cơ hội cho các lao động trẻ ngày nay tiếp thu nhanh những kiến thức và kinh nghiệm làm việc của mình thông qua internet. Hiện nay, các cán bộ nhân viên của hầu hết các NHTM Việt Nam đều đã được đào tạo có hệ thống. Tỷ lệ đại học và trên đại học chiếm khoảng 60-70%. Đây là một tín hiệu tốt và là một trong những điều kiện thuận lợi để các NHTM Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, trình độ quản trị của đội ngũ lãnh đạo ngày càng được nâng lên rõ rệt do các NHTM Việt Nam đã hợp tác với các ngân hàng nước ngoài để đào tạo kỹ năng quản trị cho các cán bộ ngân hàng.

Cùng với mở cửa của đất nước, ngày càng có nhiều du học sinh Việt Nam tại nước ngoài về nước làm việc nên trình độ nguồn nhân lực của Việt Nam được nâng lên đáng kể. Tuy nhiên so với các nước phát triển, nhân lực ngành Ngân hàng Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Cơ cấu tổ chức của hầu hết các NHTM Việt Nam hiện nay còn quá công kênh, không tạo được thuận tiện tối đa cho các tổ chức cấp dưới phát huy hết năng lực cũng như sự sáng tạo của mình. Khi hàng loạt ngân hàng nước ngoài tham gia vào thị trường, họ sẵn sàng trả mức lương cao hơn để thu hút nguồn nhân lực. Với tiềm lực tài



chính mạnh, họ không ngần ngại trả một mức lương hợp lý để thu hút nguồn nhân lực có kinh nghiệm từ các NHTM Việt Nam. Tương lai, đây là bài toán khó cho các NHTM Việt Nam, không những bị cạnh tranh bởi các NHTM trong nước mà phải đương đầu với việc "chảy máu chất xám" sang các ngân hàng nước ngoài. Từ đó, các NHTM Việt Nam sẽ mất dần lợi thế cạnh tranh.

Một số nhận định và giải pháp đề xuất

Qua phân tích ma trận SWOT (những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức) của hệ thống NHTM Việt Nam có thể đưa ra một số nhận định và đề xuất chiến lược đối với hoạt động của NHTM Việt Nam như sau:

Điểm mạnh, điểm yếu

- Mạng lưới hoạt động của hệ thống NHTM ngày càng gia tăng; Am hiểu thị trường trong nước; Đội ngũ khách hàng khá đông đảo; Được sự quan tâm, quản lý và hỗ trợ của NHNN; Hầu hết cán bộ, nhân viên của các NHTM Việt Nam đều được đào tạo có hệ thống.

- Tiềm lực tài chính khiêm tốn, chất lượng tài sản thấp và chưa hợp lý dù có xu hướng tăng hằng năm; Công nghệ lạc hậu, chất lượng dịch vụ chưa cao; Bộ máy quản lý còn cồng kềnh, kém hiệu quả; Quy mô huy động vốn còn yếu dù có sự cải thiện qua các năm; Tình hình nợ xấu có xu hướng giảm nhưng chưa chắc chắn.

Cơ hội, thách thức

- Cuộc CMCN 4.0; Quá trình hội nhập quốc tế giúp các NHTM Việt Nam có cơ hội tiếp cận với vốn, công nghệ, kinh nghiệm; Đây là cơ hội tăng năng lực tài chính của các NHTM Việt Nam, mở rộng, phát triển thị trường ra nước ngoài.

- Hệ thống ngân hàng còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với yêu cầu cải cách và lộ trình hội nhập; Sức ép cạnh tranh trên thị trường ngân hàng trong và ngoài nước ngày càng gay gắt; Cạnh tranh về nguồn nhân lực ngày càng mạnh mẽ; Áp lực cải tiến công nghệ, kỹ thuật ngày càng lớn.

Gợi mở một số giải pháp

Thứ nhất, các NHTM Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác với các NHTM quốc tế để mở rộng kinh doanh tại thị trường nước ngoài; Hợp tác với các ngân hàng nước ngoài để đào tạo kỹ năng quản trị cho cán bộ ngân hàng.

Thứ hai, cơ cấu, sắp xếp, bố trí cán bộ có năng lực, trình độ, kinh nghiệm thực tế phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh trước mắt cũng như lâu dài, đồng thời trẻ hóa đội ngũ lao động qua tuyển dụng; NHNN nên đề ra các chính sách tăng cường, cải tiến đổi mới công nghệ; Các NHTM Việt Nam cần có các chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ hợp lý để lôi kéo và giữ chân các nhân viên giỏi. Gắn chiến lược nhân sự với các trường đại học trọng điểm và hình thành các trung tâm đào tạo tại các NHTM.

Thứ ba, tận dụng việc hội nhập quốc tế để làm động lực nâng cao năng lực tài chính, tăng vốn chủ sở hữu và cải tiến công nghệ; Nâng cao năng lực quản trị điều hành, đặc biệt là quản trị rủi ro.

Thứ tư, xây dựng kế hoạch định hướng, phát triển để dự đoán cũng như hạn chế các rủi ro có thể phát sinh.

Qua phân tích trên, tốc độ phát triển của hệ thống NHTM là tương đối nhanh, năng lực tài chính ngày càng cải thiện và từng bước tiếp cận các thành tựu công nghệ nổi bật trên thế giới. Nhưng xét về tổng thể, năng lực của hệ thống NHTM Việt Nam vẫn còn yếu hơn rất nhiều so với các quốc gia khác trên thế giới. Vì vậy, hệ thống NHTM Việt Nam cần xây dựng chiến lược phát triển dài hạn, nâng cao năng lực tài chính, tăng vốn chủ sở hữu và cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực quản trị điều hành, đặc biệt là quản trị rủi ro. Đồng thời, mở rộng mối quan hệ hợp tác với các hệ thống NHTM nước ngoài để mở rộng quy mô. Bên cạnh đó, hệ thống NHTM Việt Nam cần cơ cấu, sắp xếp lại hệ thống một cách toàn diện để nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như chất lượng nguồn nhân lực trong nước.

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2007), Nghị định số 35/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng;
2. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 254/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011- 2015";
3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Báo cáo thường niên các năm từ 2010-2020;
4. Phan Thị Hằng Nga, Luận án Tiến sĩ kinh tế "Năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam, năm 2013);
5. <http://tapchitaichinh.vn>; <https://thitruongtaichinhvientien.vn>; <http://tapchinganhang.gov.vn>; <http://tapchicongthuong.vn>; <https://www.sbv.gov.vn>.

Thông tin tác giả:

ThS. Trần Công Dũ, Khoa Kinh tế-Quản trị kinh doanh,
Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
Email: tcdu@agu.edu.vn